

## BẢNG SO SÁNH HIỆU QUẢ KINH TẾ KHI SỬ DỤNG SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG VÀ SẢN PHẨM MOVA

**TÊN SP: VỮA TRÁT MOVA PLASTER 7.5, MÁC 75#**

Cơ sở tính toán: Theo B 1234 của định mức vật tư 24-1776

Cấp phối vữa truyền thống mác 75#: 320 kg xi măng PCB 30 và 1,05 m<sup>3</sup> cát đen

Giá vật liệu: xi măng: 1000 đồng/kg - Cát đen: 50 000 đồng/m<sup>3</sup> - Modul 0,7 -1,4

Giá SP: Mova Plast 7,5: 1115(đồng/kg) chưa VAT Tỷ trọng vữa MOVA: 1650 kg/m<sup>3</sup>

Theo AK. 21120 của định mức T24- 1776

Trát tường ngoài dày 1.5cm	Đơn vị tính	Vữa xi măng cát truyền thống mác 75#		
		Định mức cho 1m <sup>2</sup> tường	Đơn giá, đồng/m <sup>3</sup> , ca, công	Thành tiền, đồng
Vữa xi măng cát mác 75#	m <sup>3</sup>	0.017	405,405.00	6,891.89
Vật liệu khác	%	0.5		34.46
NC 4,0/7	công	0.26	118,481.00	30,805.06
Máy trộn 80l	ca	0.003	65,000.00	195.00
Máy khác	%	5		9.75
Chi phí vệ sinh công trường và hao phí khi thi công	%	15.00		5,690.42
<b>Tổng cộng chi phí cho 1 m<sup>2</sup> trát tường bằng sản phẩm truyền thống ( 1 )</b>				<b>43,626.58</b>

Trát tường ngoài dày 1.5cm	Đơn vị tính	Vữa trát Mova Plast 7,5, mác 75#		
		Định mức cho 1 m <sup>2</sup> tường	Đơn giá, đồng/m <sup>3</sup> , ca, công	Thành tiền, đồng
Vữa trát Mova Plast 7,5, mác 75#	m <sup>3</sup>	0.017	1839750	31,275.75
Vật liệu khác	%	0.25		78.19
NC 4,0/7	công	0.13	118,481.00	15,402.53
Máy trộn 80l	ca	0.002	65,000.00	97.50
Máy khác	%	5.000		4.88
Hao phí khi thi công	%	1.50		702.88

<b>Tổng cộng chi phí cho 1 m2 trát tường bằng sản phẩm Mova ( 2 )</b>	<b>47,561.73</b>
<b>Chênh lệch giữa ( 2 ) và ( 1 ) là</b>	<b>3,935.15</b>

Ghi chú:

**1/. Diễn giải các loại hao hụt: theo Định mức 1784- A50**

Số hiệu tiêu chuẩn

**Hao hụt vật liệu trong thi công:**

- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của cát vàng :2% 00.0012
- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của Cát mịn: 2.5% 00.0013
- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của gạch chỉ: 1.5% 00.0049
- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của xi măng: 1% 00.0137

**Hao phí trong khâu trung chuyển:**

- Vật liệu ở thể bột, thể nhuyễn hay nước chứa trong bao bì: 1% 00.0144
- Vật liệu ở thể hạt, rời, xốp: 1% 00.0145

**Hao hụt vật liệu khâu gia công:**

- Mức hao hụt vật liệu ở khâu gia công sàng cát vàng cứ 1.07m3 được 1m3 00.0151

**Hao hụt vật liệu trong vận chuyển và bảo quản:**

- Cát vàng: vận chuyển ngoài công trình: 3%; Bảo quản ở kho: 5% 00.0165
- Cát mịn: vận chuyển ngoài công trình: 2%; Bảo quản ở kho: 7.5% 00.0166
- Xi măng các loại: vận chuyển ngoài công trình: 0.5%; Bảo quản ở kho: 0.5% 00.0224

**2/. Tổng cộng hao phí các loại được tính vào giá thành của vữa truyền thống**

**Tổng cát vàng: 18%**

**Tổng cát đen: 13%**

**Tổng xi măng: 3%**

**Tổng gạch: 1.5%**

**3/. Ngoài hiệu quả kinh tế nhìn thấy ở trên, Quý khách hàng sẽ thấy được những lợi ích kinh tế của sản phẩm vữa khô trộn sẵn Mova mà khi dùng sản phẩm truyền thống không có được đó là:**

- Hạn chế tối đa sự ô nhiễm môi trường
- Dễ kiểm soát chất lượng
- Kiểm soát được hao phí vật tư không đáng có như bột vật liệu
- Tiết kiệm kho bãi
- Dễ thi công, không cần kiểm soát tỷ lệ pha trộn
- Tiến độ công trình đảm bảo

Trên đây là những lợi ích mà chỉ có người sử dụng mới tính được chính xác giá trị.

**MOVA rất hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng!**